

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng 10 năm 2026

DỰ THẢO lần 2

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn vay ODA,
vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ**

Căn cứ Luật Quản lý nợ công số 20/2017/QH14 ngày 23 tháng 11 năm 2017 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 141/2025/QH15 ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại nguồn vốn vay ODA và vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2021;

Căn cứ Nghị định số 84/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực quản lý nợ công;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn mẫu biểu, tần suất, kỳ hạn, hình thức báo cáo về tình hình cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo quy định tại khoản 4 Điều 32 của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ. Các mẫu biểu báo cáo bao gồm:

1. Mẫu biểu báo cáo tình hình vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
2. Mẫu biểu báo cáo phục vụ đối chiếu cho vay lại nguồn vốn vay ODA, vay

ưu đãi nước ngoài của Chính phủ đối với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Mẫu biểu báo cáo cho vay lại của Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức không chịu rủi ro tín dụng hoặc chịu một phần rủi ro tín dụng.

4. Mẫu biểu báo cáo cho vay lại của Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức chịu toàn bộ rủi ro tín dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

2. Bộ Tài chính.

3. Cơ quan được Bộ Tài chính ủy quyền làm cơ quan cho vay lại (sau đây gọi là “Cơ quan được ủy quyền cho vay lại”) được xác định theo khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 22 Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 5 Nghị định số 84/2026/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi các Nghị định trong lĩnh vực quản lý nợ công.

4. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ báo cáo tình hình cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ.

Điều 3. Mẫu biểu báo cáo

1. Bên vay lại là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính báo cáo về cho vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo mẫu biểu tại Phụ lục I, Phụ lục II Nghị định số 84/2026/NĐ-CP ngày 25/3/2026 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định của Chính phủ trong lĩnh vực quản lý nợ công.

Trường hợp phát sinh nợ quá hạn vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ tại kỳ báo cáo (nếu có), Bên vay lại là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi Bộ Tài chính báo cáo về tình hình vay lại phát sinh nợ quá hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo mẫu biểu quy định tại Phụ lục I Thông tư này cùng với báo cáo định kỳ về cho vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài nêu trên.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính tình hình nợ, bao gồm số rút vốn, số trả nợ, số dư nợ để phục vụ đối chiếu cho vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ theo mẫu biểu tại Phụ lục II Thông tư này. Đối với từng khoản thanh toán nợ cho vay lại với Bộ Tài chính, Sở Tài chính ghi đầy đủ nội dung thanh toán trên Lệnh chi trả nợ trong nước bằng đồng VNĐ theo cấu trúc sau: CVLDP-Tên địa phương-Mã dự án đầu tư-Gốc/Lãi/Phí nhà tài trợ/Phí cho vay lại-Nội dung thanh toán (nếu cần). Kho bạc nhà nước nơi giao dịch thực hiện thanh toán và ghi nội dung thanh toán theo nội dung trên trên chứng từ Sở Tài chính lập.

2. Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức không chịu rủi ro tín dụng hoặc chịu một phần rủi ro tín dụng báo cáo Bộ Tài chính về tình hình quản lý các khoản vay nước ngoài về cho vay lại, bao gồm tình hình rút vốn, trả nợ, dư nợ, nợ quá hạn, phân loại nợ và dự phòng rủi ro, quản lý tài sản bảo đảm và việc xử lý các khoản nợ quá hạn theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Cơ quan được ủy quyền cho vay lại theo phương thức chịu toàn bộ rủi ro tín dụng báo cáo Bộ Tài chính về tình hình quản lý các khoản vay nước ngoài về cho vay lại, bao gồm tình hình rút vốn, giải ngân, trả nợ, dư nợ và nợ quá hạn theo các mẫu biểu quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Tần suất và kỳ hạn báo cáo

1. Bên vay lại là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính một năm hai lần, lần 1 trước ngày 31 tháng 7 năm thực hiện cho kỳ báo cáo từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6 năm thực hiện và lần 2 trước ngày 15 tháng 02 năm sau cho kỳ báo cáo cả năm thực hiện

2. Trước ngày cuối cùng của tháng đầu quý, Cơ quan được ủy quyền cho vay lại báo cáo Bộ Tài chính về tình hình rút vốn, trả nợ, dư nợ khoản vay lại của quý trước. Riêng đối với quý II và quý IV, Cơ quan được ủy quyền cho vay lại lập báo cáo cho kỳ báo cáo lũy kế 6 tháng trước ngày 31 tháng 8 năm thực hiện và cho kỳ báo cáo cả năm trước ngày 28 tháng 02 năm sau năm thực hiện.

3. Đối với các báo cáo phục vụ đối chiếu cho vay lại nguồn vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan được ủy quyền cho vay lại thực hiện báo cáo theo định kỳ hằng năm.

Điều 5. Tỷ giá lập báo cáo, hình thức báo cáo

1. Số liệu về trị giá vay lại, số dư nợ được lập theo nguyên tệ vay và quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố, áp dụng vào ngày cuối cùng của kỳ báo cáo.

2. Số liệu về rút vốn của các dự án được lập theo nguyên tệ vay và quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hạch toán ngân sách nhà nước do Bộ Tài chính công bố, áp dụng vào thời điểm phát sinh giao dịch.

3. Số liệu về thu nợ của các dự án được lập theo nguyên tệ vay và quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá bán ra đồng tiền cho vay lại tại thời điểm trả nợ do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố.

4. Đối với thông tin không thuộc danh mục bí mật nhà nước, cơ quan, đơn vị gửi báo cáo thông tin về Bộ Tài chính (Cục Quản lý nợ và Kinh tế đối ngoại) bằng một trong các hình thức sau:

a) Văn bản giấy gửi theo đường văn thư;

b) Văn bản điện tử gửi thông qua hệ thống tiếp nhận báo cáo hoặc hệ thống

quản lý văn bản và điều hành (hoặc phương thức điện tử khác) do Bộ Tài chính thông báo tại từng thời kỳ; trường hợp gửi qua thư điện tử thực hiện theo địa chỉ tiếp nhận do Bộ Tài chính công bố. Định dạng tệp, yêu cầu kỹ thuật và phương thức tiếp nhận báo cáo điện tử do Bộ Tài chính hướng dẫn, công bố và cập nhật.

5. Đối với thông tin thuộc danh mục bí mật nhà nước, cơ quan, đơn vị thực hiện theo quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Việc lập báo cáo tình hình cho vay lại, tình hình nợ của bên vay lại theo các hợp đồng cho vay lại, hợp đồng ủy quyền cho vay lại đã ký kết trước ngày có hiệu lực của Thông tư này thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

3. Thông tư số 80/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 8 năm 2018 hướng dẫn mẫu biểu báo cáo về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Liên đoàn Thương mại và công nghiệp Việt Nam;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Cổng thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;
- Các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, QLNN (bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Phương